

Bài 8: PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG DÂN

Những kiến thức học sinh cần nắm

1/ Quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân

a) Quyền học tập của công dân

Mọi công dân đều có quyền học từ thấp đến cao, có thể học bất cứ ngành, nghề nào, có thể học bằng nhiều hình thức và có thể học thường xuyên, học suốt đời.

*Quyền HT của CD còn có nghĩa là mọi CD đều được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập.

b) Quyền sáng tạo của công dân

Quyền của mỗi người được tự do nghiên cứu khoa học, tự do tìm tòi, suy nghĩ để đưa ra các phát minh, sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất; quyền về sáng tác văn học, nghệ thuật, khám phá khoa học để tạo ra các sản phẩm, công trình khoa học về các lĩnh vực đời sống xã hội.

Quyền sáng tạo của công dân bao gồm quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và hoạt động khoa học, công nghệ.

c) Quyền được phát triển của công dân

Quyền được phát triển là quyền của công dân được sống trong môi trường xã hội và tự nhiên có lợi cho sự tồn tại và phát triển về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức; có mức sống đầy đủ về vật chất, được học tập, nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, tham gia các hoạt động văn hóa, được cung cấp thông tin và chăm sóc sức khỏe, được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.

Quyền được phát triển của công dân được biểu hiện ở hai nội dung:

- Một là, quyền của công dân được hưởng đời sống vật chất và tinh thần đầy đủ để phát triển toàn diện.
- Hai là, công dân có quyền được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.

2/ Ý nghĩa quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân

Quyền học tập, sáng tạo và phát triển là quyền cơ bản của công dân, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội ta, là cơ sở, điều kiện cần thiết để con người được phát triển toàn diện, trở thành những công dân tốt, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

3/ Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm và thực hiện quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân (Khuyến khích HS KHXH đọc thêm, KHTN giảm tải)

a) Trách nhiệm của NN

- Ban hành chính sách, PL, thực hiện đồng bộ các biện pháp cần thiết để các quyền này thực sự đi vào đời sống của mỗi người dân.

Các quyền này của công dân và các biện pháp bảo đảm thực hiện của Nhà nước được quy định trong Hiến pháp, Luật Giáo dục, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em và trong nhiều văn bản PL khác của NN

- Nhà nước thực hiện công bằng XH trong giáo dục.
- NN khuyến khích, phát huy sự tìm tòi, sáng tạo trong nghiên cứu KH.
- Nhà nước bảo đảm những điều kiện để phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

b) Trách nhiệm của CD

- Có ý thức học tập tốt để trở thành người có ích trong cuộc sống.
- Có ý chí vươn lên, luôn chịu khó tìm tòi và phát huy tính sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất để tạo ra nhiều sản phẩm vật chất và tinh thần cần thiết cho xã hội.

KIẾN THỨC THAM KHẢO

(Trích Bộ luật dân sự - 2005)

Điều 51. Quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo

1. Cá nhân có quyền tự do nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật và tham gia các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo khác.
2. Quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Không ai được cản trở, hạn chế quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo của cá nhân.

Quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo của cá nhân là một trong các quyền nhân thân, nó mang đặc trưng của các quyền nhân thân là gắn liền với chủ thể, không thể tách rời chủ thể, không thể chuyển giao cho người khác với bất kỳ hình thức nào, nó không thể là đối tượng để mua bán, tặng cho... Đồng thời, quyền tự do sáng tạo cũng mang đặc thù riêng của mình, đó là nó thuộc về giá trị tinh thần của chủ thể nhất định, nó do chính chủ thể đó xác lập.

Quyền tự do nghiên cứu sáng tạo có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với công dân trong việc phát huy năng lực sáng tạo của mình mà nó còn là động lực thúc đẩy xã hội phát triển. Được tự do phát triển khả năng và sở trường của mình, cá nhân không chỉ mang đến lợi ích vật chất và tinh thần cho chính bản thân mình và gia đình, mà xã hội cũng nhờ những sản phẩm sáng tạo của cá nhân mà phát triển. Chính vì quyền tự do nghiên cứu sáng tạo có ý nghĩa quan trọng như vậy nên trước tiên nó được khẳng định trong Hiến pháp với tư cách là một trong những quyền cơ bản của công dân và được ghi nhận trong Bộ luật dân sự với tư cách là một quyền dân sự. Quyền tự do nghiên cứu sáng tạo của công dân không chỉ được bảo hộ về mặt dân sự thông qua các chế tài có tính chất dân sự mà nó còn được bảo hộ bằng các chế tài của các ngành luật khác, đặc biệt là luật hình sự. Về mặt dân sự, quyền tự do nghiên cứu sáng tạo được bảo vệ bằng chế định quan trọng "quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ". Về mặt hình sự, Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 cũng đã quy định các tội phạm xâm phạm quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp. Trong điều kiện phát triển kinh tế, xã hội hiện đại, quyền tác giả, quyền sở

hữu công nghiệp, hay nói rộng hơn là quyền sáng tạo sẽ trở thành đối tượng bảo vệ đặc biệt của pháp luật. Và vì vậy, không chỉ pháp luật dân sự mà các ngành luật khác (hình sự, hành chính) sẽ càng được hoàn thiện, đóng vai trò tích cực trong việc xác định và xử lý các hành vi xâm phạm quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo.

Như vậy, cũng như bất kỳ quyền dân sự nào khác, quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo không có nghĩa là cá nhân có thể làm bất cứ những gì mình muốn. Tự do sáng tạo của công dân muốn được sự bảo hộ của Nhà nước thì người thực hiện quyền này phải tôn trọng Hiến pháp, pháp luật, tôn trọng trật tự công cộng và phù hợp với đạo đức xã hội.

(Trích Luật giáo dục- 2005)

Điều 10 : Quy định về Quyền và nghĩa vụ học tập của công dân như sau:

Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân.

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập.

Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để người nghèo được học tập, tạo điều kiện để những người có năng khiếu phát triển tài năng.

Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, người tàn tật, khuyết tật và đối tượng được hưởng chính sách xã hội khác thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của mình.

(Trích Hiến pháp 2013)

CHƯƠNG II

**QUYỀN CON NGƯỜI,
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN**

Điều 14

1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.

2. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Điều 15

1. Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

2. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác.

3. Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội.

4. Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Điều 16

1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Điều 17

1. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam.

2. Công dân Việt Nam không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác.

3. Công dân Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ.

Điều 18

1. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện để người Việt Nam định cư ở nước ngoài giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

Điều 19

Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật.

Điều 20

1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

2. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định.

3. Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật. Việc thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất kỳ hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể người phải có sự đồng ý của người được thử nghiệm.

Điều 21

1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.

Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.

2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác.

Điều 22

1. Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp.

2. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.
3. Việc khám xét chỗ ở do luật định.

Điều 23

Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.

Điều 24

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.
2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.
3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.

Điều 25

Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.

Điều 26

1. Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới.
2. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội.
3. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.

Điều 27

Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định.

Điều 28

1. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước.
2. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân.

Điều 29

Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

Điều 30

1. Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật.

3. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác.

Điều 31

1. Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

2. Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai.

3. Không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm.

4. Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa.

5. Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật.

Điều 32

1. Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác.

2. Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ.

3. Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản của tổ chức, cá nhân theo giá thị trường.

Điều 33

Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Điều 34

Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội.

Điều 35

1. Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc.

2. Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi.

3. Nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu.

Điều 36

1. Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.

2. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em.

Điều 37

1. Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em.
2. Thanh niên được Nhà nước, gia đình và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân; đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc.
3. Người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 38

1. Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh.
2. Nghiêm cấm các hành vi đe dọa cuộc sống, sức khỏe của người khác và cộng đồng.

Điều 39

Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập.

Điều 40

Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó.

Điều 41

Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa.

Điều 42

Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp.

Điều 43

Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

Điều 44

Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc.

Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất.

Điều 45

1. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.
2. Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Điều 46

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

Điều 47

Mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định.

Điều 48

Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; được bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích chính đáng theo pháp luật Việt Nam.

Điều 49

Người nước ngoài đấu tranh vì tự do và độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, dân chủ và hòa bình hoặc vì sự nghiệp khoa học mà bị bức hại thì được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét cho cư trú.

BÀI 8: PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG DÂN

Câu 1: Một trong các quyền sáng tạo của công dân được pháp luật quy định là:

- A. Quyền sở hữu công nghiệp.
- B. Quyền được tự do thông tin.
- C. Quyền được tự do ngôn luận, tự do báo chí.
- D. Quyền được học tập bất cứ ngành nghề nào.

Câu 2: Hãy chỉ ra một trong các nội dung cơ bản về quyền học tập của công dân:

- A. Mọi công dân đều được ưu tiên trong việc tuyển chọn vào các trường đại học, cao đẳng như nhau.
- B. Mọi công dân đều được bình đẳng về cơ hội học tập.
- C. Mọi công dân đều phải đóng học phí.
- D. Mọi công dân đều phải học tập.

Câu 3: Quyền sáng tạo của công dân là:

- A. Mọi công dân đều có quyền được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.
- B. Quyền của mỗi cá nhân được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.
- C. Quyền của mỗi người được tự do nghiên cứu khoa học, tự do tìm tòi, suy nghĩ để đưa ra các phát minh, sáng chế...
- D. Mọi công dân đều có quyền được tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng một cách trực tiếp.

Câu 4: Ý nghĩa quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân nhằm:

- A. Đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- B. Thể hiện được nhiệm vụ chiến lược về phát triển của đất nước.
- C. Đảm bảo sự ổn định và phát triển về văn hóa – xã hội.
- D. Cơ sở mở đường để tăng trưởng kinh tế đất nước hiện nay.

Câu 5: Công dân có quyền học từ tiểu học đến trung học, đại học và sau đại học thuộc quyền nào dưới đây?

- A. Quyền học không hạn chế.
- B. Quyền học bất cứ ngành nghề nào.
- C. Quyền học tập thường xuyên.
- D. Quyền bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 6: Quyền được tự do sáng tác văn học, nghệ thuật, khám phá khoa học, thuộc quyền nào dưới đây?

- A. Quyền tồn tại.
- B. Quyền phát triển.

C. Quyền học tập.

D. Quyền sáng tạo.

Câu 7: Công dân có quyền học phù hợp với năng khiếu, khả năng, sở thích và điều kiện của mình thuộc nhóm quyền nào?

A. Quyền học không hạn chế.

B. Quyền học bất cứ ngành nghề nào.

C. Quyền học thường xuyên, học suốt đời.

D. Quyền bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 8: Nhà nước quan tâm, tạo điều kiện để con em đồng bào dân tộc thiểu số được đến trường, đó là việc làm nhằm thực hiện:

A. Quyền học không hạn chế.

B. Quyền học bất cứ ngành nghề nào.

C. Quyền học thường xuyên, học suốt đời.

D. Quyền bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 9: Quyền học tập, sáng tạo, phát triển thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội ta là cơ sở, điều kiện cần thiết để con người phát triển toàn diện là một nội dung thuộc:

A. Nội dung quyền học tập, sáng tạo, phát triển.

B. Ý nghĩa quyền học tập, sáng tạo, phát triển.

C. Trách nhiệm về quyền học tập, sáng tạo, phát triển.

D. Trách nhiệm công dân về quyền học tập, sáng tạo, phát triển.

Câu 10: An muốn có giải thưởng trong cuộc thi sáng tạo khoa học trẻ của tỉnh, An đã copy bản quyền của một tác giả khác, sau đó An ghi tên mình vào sản phẩm và mang dự thi. Vậy anh An đã vi phạm:

A. Quyền lao động .

B. Quyền học tập.

C. Quyền được phát triển .

D. Quyền tác giả .

Câu 11: Giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh là con em liệt sĩ, thương binh, trẻ tàn tật, mồ côi, không nơi nương tựa, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn. Điều này thể hiện?

A. Công bằng xã hội trong giáo dục.

B. Bất bình đẳng trong giáo dục.

C. Chủ trương phát triển giáo dục.

D. Định hướng đổi mới giáo dục.

Câu 12: Chị H được tham gia trò chơi “Nốt nhạc vui” trên đài truyền hình là việc làm thực hiện?

A. Quyền tồn tại.

B. Quyền phát triển.

C. Quyền học tập.

D. Quyền sáng tạo.

Câu 13: Quyền được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng của công dân thuộc nhóm quyền nào dưới đây?

A. Quyền được sáng tạo.

B. Quyền được tham gia.

C. Quyền được phát triển.

D. Quyền tác giả.

Câu 14: Tác phẩm văn học do công dân tạo ra được pháp luật bảo hộ thuộc quyền nào dưới đây của công dân?

A. Quyền tác giả.

B. Quyền sở hữu công nghiệp.

C. Quyền phát minh sáng chế.

D. Quyền được phát triển.

Câu 15: Nhận định nào dưới đây không đúng khi nói về quyền học tập của công dân?

A. Quyền học tập không hạn chế.

B. Quyền học bất cứ ngành, nghề nào.

C. Quyền học thường xuyên, học suốt đời.

D. Quyền học tập khi có sự đồng ý của các cơ quan có thẩm quyền.

Câu 16: Chính sách miễn giảm học phí của Nhà nước ta đã tạo điều kiện giúp đỡ nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn được học tập. Điều này thể hiện:

A. Công bằng xã hội trong giáo dục.

B. Bất bình đẳng trong giáo dục.

C. Định hướng đổi mới giáo dục.

D. Chủ trương phát triển giáo dục.

Câu 17: Việc mở trường trung học phổ thông chuyên ở nước ta hiện nay nhằm...

- A. bảo đảm tính nhân văn trong giáo dục.
- B. bảo đảm công bằng trong giáo dục.
- C. đào tạo chuyên gia kỹ thuật cho đất nước.
- D. bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Câu 18: Việc cộng điểm ưu tiên trong tuyển sinh đại học, cao đẳng cho học sinh là người dân tộc thiểu số đã thể hiện quyền bình đẳng về...

- A. điều kiện chăm sóc về thể chất.
- B. điều kiện học tập không hạn chế.
- C. điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa.
- D. điều kiện hưởng thụ các giá trị văn hóa.

Câu 19: Quyền sáng tạo của công dân được pháp luật quy định là:

- A. Quyền sở hữu công nghiệp.
- B. Quyền được tự do thông tin.
- C. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí.
- D. Quyền được học tập.

Câu 20: Nội dung cơ bản của quyền học tập của công dân là:

A. Mọi công dân đều được ưu tiên trong tuyển chọn vào các trường đại học, cao đẳng như nhau.

- B. Mọi công dân đều bình đẳng về cơ hội học tập.
- C. Mọi công dân đều phải đóng học phí.
- D. Chỉ có học sinh dân tộc thiểu số mới được cộng điểm ưu tiên.

Câu 21: Quyền phát triển của công dân được thể hiện ở mấy nội dung?

- A. Một.
- B. Hai.
- C. Ba.
- D. Bốn.

Câu 22: Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục là để...

- A. tạo điều kiện cho ai cũng được học hành.
- B. mọi công dân bình đẳng, nhưng phải có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

C. ưu tiên cho các dân tộc thiểu số.

D. ưu tiên tìm tòi nhân tài, góp phần phụng sự đất nước.

Câu 23: Ý nào sau đây không đúng khi nói về quyền được phát triển của công dân?

A. Được sống trong môi trường xã hội và tự nhiên có lợi cho sự tồn tại và phát triển về mọi mặt.

B. Có mức sống đầy đủ về vật chất.

C. Được cung cấp thông tin và chăm sóc sức khỏe.

D. Được khuyến khích và bồi dưỡng phát triển tài năng khi có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

Câu 24: Quyền sáng tạo của công dân bao gồm quyền tác giả,và hoạt động khoa học, công nghệ. Cụm từ thích hợp trong chỗ trống là:

A. quyền sở hữu trí tuệ.

B. quyền sở hữu công nghiệp.

C. quyền sáng tác.

D. quyền tự do sáng tác.

Câu 25: Quyền học tập, quyền sáng tạo và quyền phát triển của công dân được quy định trong...

A. Hiến pháp.

B. Luật giáo dục.

C. Luật khoa học và công nghệ.

D. Hiến pháp, Luật giáo dục, Luật khoa học và công nghệ.

Câu 26: Học bằng nhiều hình thức khác nhau, ở các loại trường khác nhau là:

A. Quyền học không hạn chế.

B. Quyền học bất cứ ngành nghề nào.

C. Quyền học thường xuyên, học suốt đời.

D. Quyền được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 27: Học các môn khối C để có điều kiện trở thành chiến sĩ công an là:

A. Quyền học không hạn chế.

B. Quyền học bất cứ ngành nghề nào

C. Quyền học thường xuyên, học suốt đời

D. Quyền được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 28: Những bạn có thành tích cao trong kì thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế được ưu tiên chọn vào các trường đại học, điều này nói tới nội dung nào trong các nội dung sau đây?

A. Công dân có quyền được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.

B. Công dân được hưởng đời sống vật chất, tinh thần đầy đủ để phát triển toàn diện.

C. Công dân được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập.

D. Công dân có quyền tự do trong học tập.

Câu 29: Học tập là...

A. quyền và nghĩa vụ của công dân.

B. nghĩa vụ của công dân.

C. quyền của công dân.

D. trách nhiệm của công dân.

Câu 30: Chọn câu trả lời đúng trong các câu sau đây?

Một trong những khía cạnh nói đến quyền được phát triển của công dân là

A. Những người có tài được tạo mọi điều kiện để làm việc và phát triển tài năng.

B. Mọi công dân đều có đời sống vật chất đầy đủ.

C. Mọi công dân đều có quyền được hưởng chăm sóc y tế.

D. Mọi công dân đều được hưởng ưu đãi trong học tập để phát triển năng khiếu.

Câu 31: Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền học tập của công dân?

A. Mọi công dân đều có quyền học tập không hạn chế.

B. Mọi công dân đều được tự do nghiên cứu khoa học.

C. Mọi công dân đều được sống trong môi trường thuận lợi.

D. Mọi công dân đều có quyền hưởng thụ thành tựu văn hóa.

Câu 32: Nội dung nào dưới đây không đúng với quyền học tập của công dân?

A. Mọi công dân đều có quyền học tập không hạn chế.

B. Mọi công dân đều có quyền học bất cứ ngành, nghề nào.

C. Mọi công dân muốn đi học phải được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

D. Mọi công dân đều có quyền học thường xuyên, học suốt đời.

Câu 33: Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền sáng tạo của công dân?

A. Chỉ nhà khoa học mới có quyền sáng tạo.

B. Chỉ những người lao động trí óc mới có quyền sáng tạo.

C. Mọi công dân đều có quyền sáng tạo.

D. Chỉ những người đủ tuổi trưởng thành mới có quyền sáng tạo.

Câu 34: Nội dung nào dưới đây không đúng với quyền sáng tạo của công dân?

A. Quyền tác giả.

B. Quyền sở hữu công nghiệp.

C. Quyền sáng tác các tác phẩm văn học.

D. Quyền được chăm sóc sức khỏe.

Câu 35: Mọi công dân đều được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập. Nội dung này thể hiện quyền...

A. dân chủ của công dân.

B. phát triển của công dân.

C. sáng tạo của công dân.

D. học tập của công dân.

Câu 36: Cơ quan nào dưới đây có trách nhiệm bảo đảm quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân?

A. Các tổ chức xã hội.

B. Các tổ chức kinh tế.

C. Các tổ chức phi chính phủ.

D. Nhà nước.

Câu 37: Công dân có thể học bằng nhiều hình thức khác nhau và ở các loại hình trường, lớp khác nhau là một nội dung thuộc...

A. quyền học tập không hạn chế.

B. quyền học bất cứ ngành nghề nào.

C. quyền học thường xuyên, học suốt đời.

D. quyền bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 38: Quyền nào trong các quyền dưới đây mà chỉ được Nhà nước khuyến khích mà không được bảo hộ?

- A. Quyền tác giả.
- B. Quyền hoạt động khoa học công nghệ.
- C. Quyền sáng tạo.
- D. Quyền sở hữu công nghiệp.

Câu 39: An là học sinh lớp 10. An đã sáng chế thành công máy lọc nước biến thành nước sạch bằng màng trứng gà. Hỏi An đã thực hiện tốt quyền nào dưới đây ?

- A. Quyền tác giả.
- B. Quyền dân chủ.
- C. Quyền sáng tạo.
- D. Quyền sở hữu công nghiệp.

Câu 40: Quyền sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật là...

- A. quyền nghiên cứu khoa học.
- B. quyền sở hữu trí tuệ.
- C. quyền học tập.
- D. quyền tác giả.

Câu 41: Hành vi nào dưới đây xâm phạm quyền của công dân trong hoạt động sáng tạo?

- A. Hướng dẫn học sinh trung học nghiên cứu khoa học kĩ thuật.
- B. Phá hoại sản phẩm, công trình nghiên cứu khoa học của người khác.
- C. Thiết kế máy cắt cỏ thay thế phương tiện cắt cỏ thủ công.
- D. Đăng kí bản quyền đối với công trình nghiên cứu khoa học của mình.

Câu 42: Việc làm nào dưới đây thể hiện quyền sáng tạo của công dân?

- A. Thu gom và phân loại rác.
- B. Thiết kế máy thu hoạch rau màu.
- C. Tham gia hoạt động văn hóa văn nghệ ở cụm dân cư.
- D. Tham gia đội bóng chuyền của xã.

Câu 43: Trong những câu dưới đây, câu nào thể hiện quyền được phát triển của công dân?

- A. Công dân có quyền được hưởng sự chăm sóc y tế.
- B. Công dân có thể học ở hệ chính quy hoặc hệ dân lập.
- C. Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể.
- D. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

Câu 44: Những học sinh giỏi, có năng khiếu được ưu tiên tuyển chọn vào các trường đại học. Điều này thể hiện quyền nào của công dân?

- A. Học tập.
- B. Phát triển.
- C. Bình đẳng.
- D. Sáng tạo.

Câu 45: Nội dung nào dưới đây không đúng với quyền được phát triển?

- A. Mọi công dân đều sống trong môi trường thuận lợi cho sự tồn tại và phát triển.
- B. Mọi công dân đều có quyền hưởng mức sống đầy đủ về vật chất.
- C. Mọi công dân đều được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.
- D. Mọi công dân đều có thể học bất cứ trường đại học nào theo sở thích.

Câu 46: Công dân có quyền được sống trong môi trường xã hội và tự nhiên có lợi cho sự tồn tại và phát triển về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức. Nội dung này thuộc quyền nào của công dân?

- A. Sáng tạo.

B. Học tập.

C. Dân chủ.

D. Phát triển.

Câu 47: Những người phát triển sớm về trí tuệ có quyền được học trước tuổi, học vượt lớp, học rút ngắn thời gian so với quy định chung của pháp luật. Điều này thể hiện quyền...

A. học tập.

B. sáng tạo.

C. phát triển.

D. dân chủ.